

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2025

Về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa và ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm E xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm F xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q trình bày:

Về yêu cầu phân chia tài sản: Anh (Q) và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau năm 2016, do trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cả hai thống nhất ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 51/2013/QĐST-HNGĐ, ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm giải quyết ly hôn, anh và chị S chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Quá trình hôn nhân, anh và chị Nguyễn Thị S đã tạo lập được tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (nay là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), diện tích 200m² (đất ở nông thôn), tại xóm F (nay là xóm E) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành: BC 375655, số vào sổ cấp giấy: CH 00014/QĐ/2010, cấp ngày

09/9/2010 cho người sử dụng mang tên Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Thị S và 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất nêu trên.

Sau khi ly hôn, anh và chị S đã tiến hành thỏa thuận và thống nhất về việc phân chia tài sản chung. Cả hai đã cùng nhau lập 01 bản cam kết vào năm 2013 với nội dung cụ thể như sau:

“+ Giá nhà và đất là: 300.000.000 đồng, trong đó đang còn nợ 153.500.000 đồng, số tiền nợ này anh Nguyễn Nhật Q phải trả. Số tiền còn lại là: 146.500.000 đồng chia đôi cho hai người là: 73.250.000 đồng, trong đó hai người trích 20.000.000 đồng cho người con tên là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 29/9/2007 (ngày A), số tiền còn lại mỗi người là 53.250.000 đồng (Năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Trước hết tôi đưa cho chị Nguyễn Thị S là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) và số tiền tôi còn nợ bên ngoài là 13.500.000 đồng, tổng cộng 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền còn lại 23.250.000 đồng tôi hứa một năm sau tôi thanh toán hết (từ ngày 17/9/2013-17/9/2014).

Riêng số tiền 40.000.000 đồng (phần trừ cho con), anh Nguyễn Nhật Q phải trả tiền lãi suất theo lãi suất Ngân hàng=0,7% trong vòng 01 năm (3 quý trả 1 lần), số tiền lãi này gửi cho bà Nguyễn Thị D-xóm H xã N, N, Nghệ An. Số tiền gốc (40.000.000 đồng) sau này trả cho bà D 20.000.000 đồng (là mẹ của chị S), anh T 20.000.000 đồng (anh T là anh trai tôi).

Còn lại số tiền anh Q nợ 3.250.000 đồng hẹn đến ngày 17/9/2014 phải trả cho chị S.

Từ ngày 20/9/2013 trở đi, chị Nguyễn Thị S không liên quan gì đến tài sản (nhà và đất) này nữa.

Bản cam kết lập xong đã được đọc lại cho hai người cùng nghe, nhất trí và ký vào biên bản làm căn cứ thực hiện. Bên nào thực hiện sai thì bên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.”

Bản cam kết được lập có sự chứng kiến của người làm chứng là bà Trần Thị B và ông Nguyễn Quốc Q1 và có. xác nhận của Ủy ban nhân dân N1, huyện N.

Tại thời điểm lập bản cam kết, anh đã giao đủ cho chị Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và còn nợ chị S số tiền 23.250.000 đồng và cam kết một năm sau sẽ trả đủ số tiền trên cho chị S. Đến ngày 16/6/2014, anh tiếp tục trả đủ cho chị S tổng số tiền 24.510.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm mười nghìn đồng), trong đó có 23.250.000 đồng tiền tôi trả cho chị S và 1.260.000 đồng tiền lãi suất (của số tiền 40.000.000 đồng) như đã cam kết.

Như vậy, anh Nguyễn Nhật Q đã thanh toán đầy đủ, toàn bộ số tiền phân chia tài sản chung cho chị Nguyễn Thị S1 hoàn thành các nghĩa vụ mà anh phải thực hiện đúng như các nội dung thỏa thuận tại Bản cam kết. Mặt khác, kể từ thời điểm lập văn bản cam kết phân chia tài sản, anh Q là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung là thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (nay là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), tại xóm F (nay là xóm E) xã N, và 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất nêu trên. Chị S không có ý kiến gì và không phát sinh tranh chấp gì với ai. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, anh chưa tiến hành làm hồ sơ và các thủ tục để được

cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên chung của anh và chị Nguyễn Thị S sang tên cho riêng của anh. Nay anh nhu cầu được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nhưng chị S không hợp tác, gây khó khăn cho anh trong việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, giao quyền sử dụng đối với thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (nay là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), diện tích 200m² (đất ở nông thôn), tại xóm F (nay là xóm E) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành: BC 375655, số vào sổ cấp giấy: CH 00014/QĐ/2010, cấp ngày 09/9/2010 cho người sử dụng mang tên Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Thị S và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất nêu trên như Bản cam kết mà anh và chị Nguyễn Thị S đã tự nguyện thỏa thuận vào năm 2013 để anh được quyền sử dụng và định đoạt đối với tài sản mình được nhận theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Anh tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung trên, anh Q không trình bày gì thêm.

Tại Văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện, đơn xin vắng mặt của bị đơn là chị Nguyễn Thị S thể hiện: Chị (Sinh) thống nhất về thời gian kết hôn, ly hôn, các nội dung thỏa thuận, cam kết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Nhật Q đúng như lời trình bày của nguyên đơn.

Sau khi ly hôn, chị (S) và anh Nguyễn Nhật Q đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung (gồm nhà, tài sản trên đất và quyền sử dụng đối với thửa đất do vợ chồng chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân) và giải quyết nợ chung của hai vợ chồng. Cả hai đã lập Bản cam kết phân chia tài sản, nợ chung có xác nhận của UBND xã N1 vào năm 2013. Chị đồng ý về nội dung tại Bản cam kết, nội dung tại Giấy thanh toán tiền lập ngày 16/6/2014 mà anh Nguyễn Nhật Q cung cấp cho Tòa án khi làm thủ tục khởi kiện, đồng thời khẳng định chữ ký trong Bản cam kết, Giấy thanh toán tiền nêu trên đúng là của chị.

Trong thời gian thỏa thuận tại Bản cam kết, anh Q đã giao đủ số tiền chênh lệch khi phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn cho chị, vì vậy chị không có khai nại gì khác. Anh Q có liên lạc yêu cầu chị về làm thủ tục để sang tên giấy tờ mang tên riêng cho anh Q, nhưng do chị lao động tự do, nơi ở và nơi làm việc quá xa không thuận lợi cho việc đi lại, nên chị không về theo yêu cầu của anh Q được.

Nay, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, giao quyền sử dụng đối với thửa đất và tài sản có trên thửa đất như Bản cam kết mà chị và anh Q đã thỏa thuận, chị đã nhận đủ số tiền phân chia tài sản chung sau khi ly hôn do anh Q giao lại nên chị đồng ý giao toàn bộ tài sản mà chị và anh Q đã tạo lập trong thời kỳ hôn nhân mà hiện nay anh Q đang quản lý, sử dụng bao gồm: quyền sử dụng đối với thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (nay là

thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), diện tích 200m² (đất ở nông thôn), tại xóm F (nay là xóm E) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành: BC 375655, số vào sổ cấp giấy: CH 00014/QDD/2010, cấp ngày 09/9/2010 cho người sử dụng mang tên Nguyễn Nhật Q và Nguyễn Thị S và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất trên như Bản cam kết mà chị và anh Nguyễn Nhật Q đã tự nguyện thỏa thuận để anh Q được quyền sử dụng và định đoạt, còn đối với những tài sản khác do anh Q xây dựng sau này thì chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài những nội dung trên, chị S không trình bày và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tố tụng, những người làm chứng là ông Nguyễn Quốc Q1 (sinh năm 1952, chị Trần Thị B, sinh năm 1974, cùng trú tại xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đều trình bày: Vào năm 2013 (không nhớ rõ ngày tháng), ông Q1, chị B có chứng kiến việc anh Nguyễn Nhật Q giao cho chị Nguyễn Thị S tổng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và ký xác nhận tại Bản cam kết để phân chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa anh Q và chị S. Ông Q1, chị B khẳng định chữ ký tại Bản cam kết là của chị S và anh Q. Ngoài ra, ông Q1, chị B không trình bày gì thêm.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào ngày 16/6/2014, tôi có trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền còn thiếu như Bản cam kết mà anh Q, chị S lập khi phân chia tài sản chung sau khi ly hôn. Cụ thể là anh Q còn nợ chị S số tiền 23.250.000 đồng và tiền lãi Ngân hàng 0,7% là 1.260.000 đồng, tổng số tiền gốc và tiền lãi tôi đã thay anh Q trả cho chị S là 24.510.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm mười nghìn đồng). Thời điểm giao nhận tiền, tôi có viết Giấy thanh toán tiền, phía dưới tôi ký vào phần người giao tiền, chị S ký vào phần người nhận tiền và có xác nhận của ủy ban nhân dân xã N1 vào ngày 16/6/2014. Tôi đã giao đủ số tiền trên cho chị S.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2025 thể hiện:

- Về quyền sử dụng đất: Thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23, nay theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2023 được xác định là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23, diện tích 200m² (đất ở nông thôn); địa chỉ tại xóm E (xóm F cũ) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BC 375655, ngày 09/9/2010 mang tên người sử dụng là Nguyễn Nhật Q và Nguyễn Thị S.

- Về tài sản trên đất:

+ 01 nhà đổ bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch táp lô, da trát, sơn một phần và một phần ốp, nền lát gạch men, trong nhà có 01 ô cầu thang, xây năm 2010, diện tích 63,8m².

+ 01 nhà bán mái, mái lợp tôn, tường xây gạch táp lô da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, diện tích 13,2m², do anh Q xây dựng năm 2017.

+ 01 nhà bán mái, mái lợp prô xi măng, tường xây gạch táp lô, da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, trong nhà có khu vệ sinh và nhà tắm, diện tích 22,3m², do anh Q xây dựng năm 2017.

Thời điểm xem xét thẩm định, tại một phần nhà bán mái phía trước xây lán ra đường giao thông diện tích 11,3m²; 01 phần nhà bán mái phía sau xây lán ra nương diện tích 1,2m², công trình chuồng gà xây lán ra nương diện tích 3,8m².

Kết quả định giá tài sản ngày 14/5/2025 xác định:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 200m² (đất ở nông thôn) có giá 4.000.000/m²=200m² x 4.000.000đ/1m²=800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Về tài sản gắn liền với đất:

+ 01 nhà đổ bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch táp lô, da trát, sơn một phần và một phần ốp, nền lát gạch men, trong nhà có 01 ô cầu thang, xây năm 2010, diện tích 63,8m² có giá: 82.940.000 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Đối với 01 nhà bán mái, mái lợp xô xi măng, tường xây gạch táp lô, da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, trong nhà có khu vệ sinh và nhà tắm, diện tích 22,3m² và 01 nhà bán mái, mái lợp tôn, tường xây gạch táp lô da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, diện tích 13,2m², các tài sản trên đều được xây dựng vào năm 2017, đương sự có mặt không yêu cầu định giá các tài sản nêu trên nên Hội đồng định giá không xem xét và không tiến hành định giá.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Nhật Q là đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Chia tài sản chung của anh Nguyễn Nhật Q và chị Nguyễn Thị S sau khi ly hôn, giao quyền sử dụng thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2023 được xác định là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), diện tích 200m² (đất ở nông thôn); địa chỉ tại xóm E (xóm F cũ) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BC 375655, ngày 09/9/2010 mang tên người sử dụng là Nguyễn Nhật Q và Nguyễn Thị S và ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất cho anh Nguyễn Nhật Q.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q phải chịu án phí đối với toàn bộ giá trị tài sản mình được phân chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa

nguyên đơn là anh Nguyễn Nhật Q và bị đơn là chị Nguyễn Thị S. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm E xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q và bị đơn chị Nguyễn Thị S đều có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 375655, số vào sổ cấp giấy: CH 00014/QĐ/2010, cấp ngày 09/9/2010 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho anh Nguyễn Nhật Q và chị Nguyễn Thị S; kết quả thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2025; sự thừa nhận của anh Q, chị S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định: Thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2023 được xác định là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23) và 01 nhà đồ bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch táp lô, da trát, sơn một phần và một phần ốp, nền lát gạch men, trong nhà có 01 ô cầu thang, diện tích 63,8m² do anh Q, chị S xây dựng năm 2010 tại địa chỉ xóm E (xóm F cũ) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của anh Nguyễn Nhật Q và chị Nguyễn Thị S theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2013/QĐST-HNGĐ, ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thì anh Q, chị S đã ly hôn và chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung mà tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn, anh Q, chị S đã tự nguyện phân chia tài sản chung đồng thời lập Bản cam kết thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung nhưng sau đó lại phát sinh tranh chấp. Nay anh Q yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp với các quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét anh Nguyễn Nhật Q không yêu cầu chia hiện trạng đối với nhà và đất mà yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất và nhà ở tại xóm E (xóm F cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An như bản cam kết giữa chị S và anh Q đã lập sau khi ly hôn vào năm 2013. Anh Q đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị S. Chị S thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh Q và không có yêu cầu gì khác. Do đó, căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của anh Q được chia toàn bộ thửa đất và các tài sản có trên thửa đất là có cơ sở nên chấp nhận.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2025 xác định: Trên thửa đất đang có tranh chấp còn có các tài sản gồm: 01 nhà bán mái, mái lợp tôn, tường xây gạch táp lô da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, diện tích 13,2m²; 01 nhà bán mái, mái lợp phô xi măng, tường xây gạch táp lô, da trát toàn bộ, nền láng vữa xi măng, trong nhà có khu vệ sinh và nhà tắm, diện tích 22,3m². Tuy nhiên, các tài sản nêu trên do anh Q tạo lập, xây dựng vào năm 2017, sau thời điểm các đương sự

ly hôn và thỏa thuận phân chia tài sản, anh Q và chị S không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, trên thửa đất còn có một phần nhà bán mái phía trước xây lán ra đường giao thông diện tích 11,3m²; 01 phần nhà bán mái phía sau xây lán ra nương diện tích 1,2m², công trình chuồng gà xây lán ra nương diện tích 3,8m². Những tài sản này đều do anh Q xây dựng từ năm 2017, nằm ngoài phần diện tích đất anh Q được quyền sử dụng, do đó anh Nguyễn Nhật Q có nghĩa vụ phải tháo dỡ các tài sản trên khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với các tài sản này.

- Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Nhật Q tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và anh đã nộp đủ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q được phân chia toàn bộ tài sản, nên phải chịu toàn bộ án phí tương ứng trị giá tài sản mình được phân chia, cụ thể là: 36.000.000 đồng + 3% x ((800.000.000 đồng (giá trị thửa đất) + 82.940.000 đồng (giá trị tài sản trên đất) – 82.940.000 (phần vượt quá 800.000.000 đồng)) = 38.488.000 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Nhật Q về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Chia cho anh Nguyễn Nhật Q được quyền sử dụng và sở hữu tài sản gồm: diện tích 200m² đất thuộc thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 23 (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2023 được xác định là thửa số 1882, tờ bản đồ số 23), tại xóm E (xóm F cũ) xã N, huyện N, được UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BC 375655, ngày 09/9/2010 cho anh Nguyễn Nhật Q và chị Nguyễn Thị S và 01 ngôi nhà đổ bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch táp lô, da trát, sơn một phần và một phần ốp, nền lát gạch men, trong nhà có 01 ô cầu thang.

Anh Nguyễn Nhật Q được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

2. Anh Nguyễn Nhật Q có nghĩa vụ tháo dỡ một phần nhà bán mái phía trước xây lấn ra đường giao thông diện tích 11,3m²; một phần nhà bán mái phía sau xây lấn ra mương diện tích 1,2m², công trình chuồng gà xây lấn ra mương diện tích 3,8m² khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Nhật Q phải chịu 38.488.000 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 6.000.000 đ (sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010570 ngày 15/4/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc phát hành. Số tiền án phí anh Q còn phải nộp là 32.488.000 đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- CCTHADS huyện Nghi Lộc;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Vân